

Bản án số: 06/2020/HN&GD - ST
Ngày: 11/5/2020
Về việc tranh chấp:
“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Quyền
2. Bà Vũ Thị Luyện
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.
- *Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy – Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia & đình thụ lý số: 29/2020/TLST - HN&GD ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX - ST ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐHPT ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1976

ĐKNKTT: Xóm Nghè, xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chi Nguyễn Thi H, sinh năm 1990

ĐKNKTT: Xóm An Thịnh, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt anh B, vắng mặt chị H tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/02/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Văn B trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở mai mối của hai bên gia đình, khi kết hôn với chị H, anh có gia đình và con riêng nhưng vợ chết, không ai chăm sóc các con. Khi kết hôn với anh, chị H cũng có 01 con gái riêng nhưng không có chồng. Do đồng cảm về hoàn cảnh nên cả hai được gia đình tổ chức cưới hỏi và về chung sống một nhà. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình anh làm dâu, vợ chồng ở với nhau được

khoảng hơn 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân chủ yếu do chị H ăn nói nhảm nhí và tính khí còn trẻ con, chị H cứ tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm An Thịnh, xã Thành Công với lý do còn có con gái riêng đang ở với bà ngoại. Từ khi chị H có thai con chung với anh thì đã bỏ về gia đình mẹ đẻ nhiều lần, có lần anh đón về nhưng chị H không đồng ý, khi chị H sinh con cuối năm 2018, anh chăm sóc chu đáo tại bệnh viện, nhưng khi được ra viện chị H về thẳng nhà mẹ đẻ, anh đã nhiều lần sang thăm mẹ con chị H động viên về gia đình đoàn tụ, nhưng chị không có ý kiến. Thời gian vợ chồng ly thân đến nay đã hơn một năm, tính khí chị H cũng không được bình thường nên anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, ly hôn là giải pháp tốt nhất cho cả hai. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H để cả hai ổn định cuộc sống, vì thực tế giữa vợ chồng không chung sống cùng nhau từ trước khi chị H sinh con chung tháng 12/2018 đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung: Ngô Văn P, sinh ngày 25/12/2018. Nay ly hôn do con chung còn nhỏ, anh đồng ý để cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được giới thiệu của bạn bè nên khi chung sống chưa được tìm hiểu kỹ càng. Chị cũng biết anh B có một đời vợ nhưng đã chết và có hai con riêng, trong đó một con đã trưởng thành. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn về cả kinh tế và tình cảm. Anh B cho rằng chị không làm ăn được nên đưa về nhà mẹ đẻ chị tại xóm An Thịnh, xã Thành Công để làm cho công ty tư nhân kiếm thêm thu nhập, hôm nào được nghỉ mới về gia đình anh B. Nhưng do kinh tế gia đình yếu kém nên thường xuyên mâu thuẫn, anh B đánh đập chị vô cớ. Cuối năm 2018 chị bị bố chồng đuổi nên anh B đã đưa chị về hẳn nhà mẹ đẻ chị ở, khi sinh con chị ra Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên, cũng từ hơn một năm nay vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh B không muốn đoàn tụ nên có đơn ly hôn nên chị không đồng ý và không ký bất cứ văn bản nào do Tòa án giao nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung cháu Ngô Văn P, sinh ngày 25/12/2018. Nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho anh Bình được ly hôn chị Hồng.

+ *Về con chung:* Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ

+ *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung:* Không có nên không xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: anh Bình phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

+ *Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn anh Ngô Văn B khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị H cả hai có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân & gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị H viết bản tự khai nhưng chị H không chấp hành, không ký vào biên bản lấy lời khai do Tòa án lập. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Hồng đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do do vậy không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của BLTDS. Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên căn cứ Điều 220 Bộ luật TTDS 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần 1, chị H vắng mặt không có lý do, HĐXX đã căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H tiếp tục vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của BLTTDS.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B với chị H, HĐXX nhận thấy: cả hai kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

HĐXX thấy, việc không đồng ý ly hôn để vợ chồng đoàn tụ của chị Hồng là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân chị H và anh B không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2018 (từ khi chị H mang thai con chung với anh B) đến nay. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 16/3/2020 bà Dương Thị C – là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Tòa án: Bà xây dựng gia đình cho các con tháng 03 năm 2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B đánh đập và ngược đãi nên chị H bỏ về ở với bà từ cuối năm 2018 đến nay, anh B không thăm hỏi và chu cấp nuôi con. Nay các con có đơn ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương với trưởng xóm An Thịnh nơi cư trú của bị đơn cho thấy chị H hiện nay vẫn cư trú tại địa phương, còn anh B có hộ khẩu tại xã Đông Cao và ở tại gia đình mình, anh Bình không bao giờ về thăm chị H và con, anh, chị không còn sống chung với nhau nữa từ năm 2018.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy rằng chị H không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, gây khó khăn cho anh Bình trong việc giải quyết ly hôn. Trên thực tế anh chị cũng đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...* ” Như vậy, anh B và chị H đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Tại phiên tòa, anh B vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn với chị H và khẳng định không còn tình cảm gì với chị H, nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B mà cho vợ chồng anh chị đoàn tụ thì cũng không thể xây dựng gia đình trọn vẹn như ban đầu. Hơn nữa chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ do Tòa án tiến hành, chị H đã vắng mặt không có lý do. Việc không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận xin đoàn tụ. Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của anh B với chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Với quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung cháu Ngô Văn P, sinh ngày 25/12/2018. Do con chung còn nhỏ, cháu ở với chị H từ nhỏ nên anh đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi cháu P đến khi trưởng thành.

Việc cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa anh B thỏa thuận tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mức 1000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy: Thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận, tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân & gia đình. Căn cứ Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận việc anh B tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

[5]. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[6]. *Án phí*: Anh B chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung của anh Ngô Văn B với chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung: Ngô Văn P, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện việc anh Ngô Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hồng mỗi tháng 1000.000đ (một triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi anh B, chị H có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung vợ chồng, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: Anh Ngô Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), anh B được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 0004632 ngày 18/02/2020, số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh B còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh B, báo cho biết anh B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Đông Cao;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

